

Số: /KH-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

## KẾ HOẠCH Phát triển cây ăn trái chủ lực năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch phát triển cây ăn trái chủ lực năm 2023, với các nội dung cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU

Phát triển ngành hàng cây ăn trái thành ngành hàng mũi nhọn theo hướng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật vào quy trình sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và chú trọng xây dựng mã số vùng trồng, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc hướng đến phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Theo đó:

- Phân đầu tổng diện tích cây ăn trái năm 2023 đạt **45.697 ha<sup>1</sup>** và sản lượng đạt **khoảng 479 nghìn tấn**, trong đó:

+ Diện tích cây có múi là 7.821 ha, sản lượng 142,0 nghìn tấn.

+ Diện tích nhãn là 4.160 ha, sản lượng 55,3 nghìn tấn.

+ Diện tích cây xoài là 14.530 ha, sản lượng 155,6 nghìn tấn.

- Diện tích sản xuất cây ăn trái hữu cơ là 150 ha<sup>2</sup>.

- Thiết lập và cấp mã số vùng trồng đạt 100% diện tích vùng trồng cây ăn trái đủ điều kiện cấp mã số (6.547 ha), cấp mã số cơ sở đóng gói nông sản (100% nhu cầu cơ sở)<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> Báo cáo số 2310/BC-SNN ngày 20/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn ước 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn 6 tháng cuối năm 2023 (cập nhật theo Tổng cục Thống kê).

<sup>2</sup> Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices - GAP) gắn với truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt 30% (VietGAP và tương đương), diện tích áp dụng tưới nước tiên tiến, tiết kiệm 5,7% (tương đương 2.605 ha)<sup>4</sup>.

- Diện tích cây ăn trái cần quản lý vùng trồng:

+ Diện tích cây mít là 7.220 ha, sản lượng 39,1 nghìn tấn.

+ Diện tích cây sầu riêng là 3.000 ha, sản lượng 6,2 nghìn tấn.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất**

- Phát triển vùng sản xuất tập trung theo hướng ứng dụng đồng bộ giải pháp giảm giá thành, cơ giới hóa, quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ thông minh gắn với truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực.

- Triển khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo hướng chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả, có quy mô diện tích nhỏ lẻ, phân tán trong các vùng chuyển đổi sang trồng cây ăn trái.

- Mở rộng diện tích trồng cây ăn trái đặc sản, chất lượng cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường xuất khẩu.

- Theo dõi, dự báo sát tình hình thời tiết, thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa, lũ bất thường, cũng như dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh để đảm bảo sản xuất an toàn.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả năng lực quản trị Hợp tác xã (HTX) tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa tình trạng buôn bán giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón giả, kém chất lượng, không công khai niêm yết giá.

### **2. Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn trái chủ lực**

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho vùng sản xuất tập trung quy mô lớn phù hợp với quy hoạch của từng địa phương.

- Xây dựng khu lưu chứa, hệ thống bể chứa chai lọ, bao bì thuốc Bảo vệ thực vật (BVTV) cho vùng cây ăn trái tập trung.

### **3. Khoa học và công nghệ, khuyến nông**

- Lưu giữ, bảo tồn, phục tráng nguồn gen giống cây ăn quả đặc sản quý; nghiên cứu, chọn tạo giống cây ăn quả mới có năng suất, chất lượng phù hợp, rải vụ thu hoạch và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tập trung chuyển giao quy trình sản xuất tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng chuyên canh, quy mô lớn và phát triển bền vững.

- Hướng dẫn sản xuất áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất (tưới thông minh tiết kiệm nước, bón phân theo nhu cầu cây, nhật ký điện tử,...) nhằm giúp giảm giá thành sản xuất. Đồng thời, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và giảm nhẹ biến đổi khí hậu và truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai nhân rộng mô hình hiệu quả, thực hành nông nghiệp tốt (GAP), đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm, sản xuất hữu cơ; từng bước nâng cao nhận thức người sản xuất, phát triển chuỗi liên kết nông sản bền vững, truy xuất nguồn gốc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, hướng đến xây dựng dữ liệu ngành nông nghiệp.

#### **4. Cấp mã số vùng trồng, nhà đóng gói, truy xuất nguồn gốc**

- Lòng ghép triển khai, hướng dẫn nông dân thiết lập vùng trồng theo quy định; có thể nhận diện các đối tượng kiểm dịch thực vật; quản lý tốt sinh vật gây hại và ghi chép đầy đủ sổ nhật ký sản xuất phục vụ hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Duy trì và cập nhật thông tin thường xuyên và đầy đủ lên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về vùng trồng và cơ sở đóng gói của Cục BVTV.

- Thiết lập mã số cho cơ sở đóng gói xuất khẩu trái tươi, với nhà máy được trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc cần thiết đáp ứng theo các tiêu chuẩn của nhà nhập khẩu; sử dụng đúng và đảm bảo chất lượng, danh tiếng đối với mã số vùng trồng, nhãn hiệu, thương hiệu.

- Tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, và sơ chế, đóng gói và vận chuyển; hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm; các chất cấm sử dụng trên cây ăn trái, dư lượng phân, thuốc bảo vệ thực vật cho phép của các nước nhập khẩu, quy định rào cản kỹ thuật, thông tin thị trường.

#### **5. Liên kết sản xuất, tiêu thụ**

- Nâng cao năng lực HTX, tổ hợp tác, hội quán để đại diện cho các hộ nông dân kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ, từ đó phát triển các hoạt động về phân loại,

sơ chế, bảo quản và bán hàng trực tiếp. Thúc đẩy hình thành, phát triển các hợp tác xã sản xuất cây ăn trái theo chuỗi giá trị, liên kết với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ xuất khẩu.

- Khuyến khích doanh nghiệp, đầu tư liên kết với nông dân trong chuỗi giá trị cây ăn trái chủ lực trồng tập trung, từ sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu.

## **6. Cơ chế, chính sách**

- Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, nông dân sản xuất, kinh doanh sản phẩm cây ăn trái và chính quyền cấp xã tại các vùng sản xuất cây ăn trái tập trung tiếp cận và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành của nhà nước.

- Rà soát, đề xuất ban hành chính sách đặc thù của địa phương về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất cây ăn quả theo chuỗi giá trị, GAP, hữu cơ, bảo quản, chế biến trên địa bàn.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN (chi tiết Phụ lục II)**

Tổng kinh phí dự kiến: **1.629.574.000 đồng** (Một tỉ sáu trăm hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Nguồn kinh phí thực hiện được lồng ghép từ các nguồn vốn:

- Từ vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Lồng ghép vốn ngân sách nhà nước thực hiện chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng sản xuất liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến nông, đào tạo và tập huấn cho hợp tác xã và thực hiện các chính sách hỗ trợ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia liên kết.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (chi tiết Phụ lục III)**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch này.

2. Đề nghị UBND huyện, thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện, bám sát nội dung Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh và Kế hoạch này.

- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thực hiện các nội dung Kế hoạch này trên địa bàn huyện, thành phố.

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 05/5) và hàng năm (trước ngày 05/11) các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện, trong đó, nêu rõ các việc đã hoàn thành, chưa hoàn

thành, nguyên nhân, đề xuất giải pháp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- GD và PGD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- P.NN&PTNT/P.KT huyện, tp;
- Lưu: VT, KHTC<sub>(Huong)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Quốc Điền**